

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/HS-ST

Ngày: 12 - 5 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt;

2. Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N, sinh năm 1971 tại tỉnh B; nơi cư trú: 14 Lê Tằng, khu phố 2, thị trấn B, huyện B1, tỉnh B2; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1939 và bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1939; bị cáo có vợ tên Chế Nguyên H, sinh năm 1973 và 05 người con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 21-01-2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử phạt 01 (một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 04/2015/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 02/10/2015.

Bị bắt, tạm giam ngày 20/8/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951; nơi cư trú: Xóm 9, xã Đ, huyện H, tỉnh B. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Duy T, sinh năm 1951; nơi cư trú: Xóm 9, xã Đ, huyện H, tỉnh B. Vắng mặt.

- Bà Chế Nguyên H, sinh năm 1973; nơi cư trú: 46 phường 1, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Mai Duy D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/8/2019, Nguyễn Thành N khi đi ngang qua Cửa hàng điện cơ T, địa chỉ: 13/3, khu phố B, phường B1, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thì phát hiện phía trước cửa hàng có 01 bao tải đựng đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. N nhìn vào trong thì thấy có bà Nguyễn Thị K đang ngồi trông coi cửa hàng nên N đi đến và hỏi chủ tiệm thì bà K nói con trai là Mai Duy T không có nhà, có gì chờ T về rồi tính. N lấy điện thoại ra đưa lên tai giả vờ như đang nói chuyện, thấy vậy bà K tưởng N đang nói chuyện điện thoại với T nên không để ý N nữa mà đi vào trong. Lợi dụng lúc bà K đi vào trong không để ý thì N đi đến khiêng bao đồng ra và đặt lên бага trước của xe mô tô biển số 51K2-2843 và bỏ chạy về hướng Công khu công nghiệp VSIP. Lúc này bà K gọi với theo “Có gì đợi con trai tôi về” nhưng N vẫn chạy đi nên bà K gọi điện thoại cho ông T báo sự việc. Ông T chạy đến ngã ba gần bia truyền thống thuộc khu phố B, phường B1, thành phố Thuận An đứng thì phát hiện 01 người đàn ông điều khiển xe mô tô Nouvo màu đen đang chờ theo 01 bao tải giống như bà K mô tả nên ông T đuổi theo giữ lại và báo Công an phường B. Công an phường B đã thu giữ tang vật, mời Nguyễn Thành N về làm việc sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An) giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Yamaha Novou, màu đen, biển số 51K2-2843; 01 bao tải màu trắng bên trong có 46,5 kg dây đồng đã qua sử dụng.

Tại Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An) kết luận 46,5 kg dây đồng có trị giá 5.115.000đồng (Năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 111/CT-VKS-TA ngày 09-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô Yamaha Novou, màu đen, biển số 51K2-2843.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/8/2019 tại Cửa hàng điện cơ T địa chỉ 13/3, khu phố B, phường B1, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị K đang trông coi, quản lý thì Nguyễn Thành N có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) bao tải dây đồng để lên бага xe mô tô chạy tẩu thoát thì bị phát hiện và bắt giữ. Hành vi của bị cáo N lén lút chiếm đoạt 01 bao tải dây đồng của bị hại bà Nguyễn Thị K có trị giá 5.115.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý bởi lẽ về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện. Mặt khác, bị cáo còn có nhân thân xấu từng bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng đạo đức mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 bao tải màu trắng bên trong có 46,5 kg dây đồng đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của ông Mai Duy T do bà Nguyễn Thị K đang trông coi, quản lý. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T và bà K là

có căn cứ. Ngoài ra, ông T và bà K không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét.

Đối với 01 (một) xe mô tô Yamaha Novou, màu đen, biển số 51K2-2843, quá trình điều tra bị cáo khai nhận mua tại cửa hàng xe máy cũ không rõ địa chỉ với giá 1.500.000 đồng, khi mua xe không có Giấy chứng nhận đăng ký xe chỉ có giấy tờ mua bán xe nhưng đã làm mất. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy xác định xe trên có số khung, số máy không đổi. Qua xác minh xe trên không có trong hệ thống dữ liệu đăng ký xe mô tô, không có trong dữ liệu xe mô tô vật chứng. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có kết quả. Do bị cáo Nguyễn Thành N sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung do bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra bị cáo khai thuộc sở hữu của vợ là bà Chế Nguyên H. Sau khi kiểm tra điện thoại công an phường B đã trả điện thoại cho bị cáo và bị cáo đã đưa cho bà H. Nhưng qua xác minh bà H hiện không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu làm gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được nên chưa có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thành N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20-8-2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô Yamaha Novou, màu đen, biển số 51K2-2843, số khung RLCN2B5205Y015139, số máy 2B52-151xx (không kiểm tra tình trạng bên trong máy), xe không có kính chiếu hậu bên trái.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04-02-2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thuận An và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An).

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy